ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 /GPMT-UBND	*Tây Sơn, ngày 13 tháng 12 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án đầu tư Nhà máy sản xuất các sản phẩm nội thất từ gỗ và kim loại đan nhựa giả mây tại Lô B6, Cụm công nghiệp Gò Cầy, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 11/CV-VIVA ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Công ty TNHH sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu ViVa;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 554/TTr-TNMT ngày 12/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu ViVa, địa chỉ tại Lô C2.1 Khu công nghiệp Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất các sản phẩm nội thất từ gỗ và kim loại đan nhựa giả mây tại Lô B6, Cụm công nghiệp Gò Cầy, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất các sản phẩm nội thất từ gỗ và kim loại đan nhựa giả mây.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B6, Cụm công nghiệp Gò Cầy, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101489190 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 12/6/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 04/11/2021.

1.4. Mã số thuế: 4101489190.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm nội thất từ gỗ và kim loại đan nhựa giả mây.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích 21.903,7 m^2.

- Quy mô: Dự án nhóm C (theo tiêu chí phân loại của pháp luật về Đầu tư công); thuộc dự án đầu tư nhóm III theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất: Bàn ghế các loại 15.000 sản phẩm thành phẩm/năm; giường các loại 800 sản phẩm thành phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu ViVa được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH sản xuất và thương mại xuất nhập khẩu ViVa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 12 năm 2023 đến ngày tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH SX&TM XNK ViVa;
- Sở TN&MT tỉnh (b/cáo);
- Phòng TN&MT huyện;
- Phòng KT&HT huyện;
- UBND xã Bình Thành;
- CVP, PVP, CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khánh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tây Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa khung kim loại trong công đoạn nhúng tẩy (phát sinh khoảng 50m^3/tháng).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Giai đoạn Cụm công nghiệp Gò Cầy chưa đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương đất ở phía Đông của dự án thuộc thôn Kiên Long, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn.

2.1.2. Vị trí xả nước thải: Tại mương đất ở phía Đông của dự án Nhà máy sản xuất các sản phẩm nội thất từ gỗ và kim loại đan nhựa giả mây thuộc Cụm công nghiệp Gò Cầy, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108^{o}15', múi chiếu 3^o): X = 1.542.344, Y = 574.026.

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2m^3/ngày.đêm.

a. Phương thức xả thải: Tự chảy.

b. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục (24 giờ/ngày.đêm).

c. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp quy định tại cột B (K_q = 0,9; K_f = 1,2), QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (K_q = 0,9; K_f = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Màu	Pt/Co	162	-
2	pH	-	5,5 đến 9	
3	COD	mg/l	162	
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108	
5	Sắt	mg/l	5,4	
6	Niken	mg/l	0,54	
7	Chì	mg/l	0,54	
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8	

2.2. Giai đoạn Cụm công nghiệp Gò Cầy đã đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gò Cầy, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn.

2.2.2. Vị trí xả nước thải: Tại hố ga thu gom nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gò Cầy, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $108^o15'$, múi chiếu 3^o): X= 1.542.292; Y= 573.813.

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $2m^3$/ngày.đêm.

a. Phương thức xả thải: Tự chảy.

b. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục (24 giờ/ngày.đêm).

c. Chất lượng nước thải: Nước thải sản xuất phát sinh tại Nhà máy được xử lý đạt theo cấp độ theo thỏa thuận với Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Gò Cầy, xã Bình Thành hoặc đảm bảo đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (K_f= 1,2; K_q=0,9) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Gò Cầy, xã Bình Thành để xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sản xuất phát sinh tại 02 bể rửa nước từ quá trình rửa khung kim loại trong công đoạn nhúng tẩy được thu gom bằng đường ống PVC D150 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải ⟶ Bể thu gom/điều hòa ⟶ Bể keo tụ ⟶ Bể lắng ⟶ ⟶ Bể lọc thô ⟶ Hố ga đối chứng ⟶ Mương đất.

- Công suất thiết kế: $02m^3$/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H_2SO_4, PAC, PAA.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các tuyến đường ống thu gom, thoát nước thải và hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra và giám sát các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (Từ tháng 03/2024 đến tháng 09/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác: Thực hiện việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của dự án đảm bảo theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tây Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh từ hệ thống phun sơn tĩnh điện.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại miệng ống thải của hệ thống xử lý bụi sơn của Nhà máy sản xuất các sản phẩm nội thất từ gỗ và kim loại đan nhựa giả mây thuộc Cụm công nghiệp Gò Cầy, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $108^o15'$, múi chiếu 3^o): X = 1.542.338; Y = 573.979.

2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 25.000 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả thải: Gián đoạn (với thời gian xả thải 8 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo cột B (K_p = 0,9; K_v = 1), QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_p = 0,9; K_v = 1)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	180	-
2	Chì và hợp chất, tính theo chì	mg/Nm^3	4,5	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Bụi sơn phát sinh từ công đoạn phun sơn tĩnh điện được thu gom bằng các quạt hút ly tâm về hệ thống xử lý bụi sơn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi sơn ⟶ Filter lọc bụi ⟶ Bể chứa nước ⟶ Môi trường bên ngoài.

- Công suất thiết kế: 25.000m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (Từ tháng 03/2024 đến tháng 09/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý bụi, khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác: Thực hiện việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải của dự án đảm bảo theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Chủ dự án đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tây Sơn)

1. Trong quá trình hoạt động của dự án phải đảm bảo tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và các quy định hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tây Sơn)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải
I	**Chất thải nguy hại**	**245**	
1	Bóng đèn huỳnh quang	5	16 01 06
2	Các loại Pin, ắc quy thải	15	19 06 05
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	15	17 02 03
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	5	16 01 13
5	Bùn cặn thải có các thành phần nguy hại khác từ quá trình tẩy gỉ và xử lý nước thải	200	07 01 05
6	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	5	07 03 05
II	**Chất thải công nghiệp phải kiểm soát**	**312**	
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	10	18 02 01
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	20	18 01 03
3	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	25	07 04 01
4	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	15	07 04 02
5	Hộp chứa mực in thải có các thành phần nguy hại	10	08 02 04
6	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải ra bằng các vật liệu khác	120	18 01 04
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa-lý	62	12 02 02
8	Bùn từ bể chứa nước xử lý bụi, khí thải từ công đoạn sơn tĩnh điện	50	08 01 02

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)	Ghi chú
1	Giấy Carton, bao bì	936	
2	Đinh, ghim, ốc vít hỏng	156	
3	Dây nhựa thừa	967	
4	Các loại sắt thép vụn, mạt kim loại	9.360	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 1.230 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 02 can nhựa loại 30 lít và 09 thùng chuyên dụng loại 120 lít để lưu giữ các loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh tại Nhà máy.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Kho lưu chứa được xây dựng tại phía Đông của dự án có diện tích khoảng 15m^2; có mái che, tường kín bao quanh, nền bằng bê tông xi măng, trang bị biển cảnh báo và có cửa khóa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng chứa loại 240 lít để thu gom các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Kho lưu chứa được xây dựng tại phía Đông của dự án có diện tích khoảng 15m^2; có mái che, tường kín bao quanh, nền bằng bê tông xi măng, trang bị biển cảnh báo và có cửa khóa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng rác loại 240 lít, 05 thùng rác loại 30 lít có nắp đậy để thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy được thu gom từ các thùng rác loại 30 lít về thùng rác loại 240 lít và định kỳ vận chuyển đến trước cổng để chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với chất thải

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường, chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát đảm bảo theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tây Sơn)

1. Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh đảm bảo theo quy định.

2. Thực hiện trồng cây xanh trong khuôn viên của dự án theo diện tích quy hoạch đã được phê duyệt.